

Số: 1921/QĐ-UBND

Duyên Hải, ngày 13 tháng 09 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng
xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải.**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ xây dựng hướng dẫn về Quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 934/NQ-UBTVQH13 ngày 15/5/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Trà Cú, huyện Duyên Hải để thành lập thị xã Duyên Hải và 02 phường thuộc thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung đô thị Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, về việc ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ công văn số 426/UBND-KT của Ủy ban Nhân dân Thị xã Duyên Hải ngày 07/5/2018 về việc rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã trên địa bàn thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Công văn số 484/SXD-QH&KT ngày 08/05/2018 của Giám đốc sở xây dựng tỉnh Trà Vinh về việc hướng dẫn lập quy hoạch chung xây dựng xã theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD của Bộ Xây Dựng;

Căn cứ Công văn số 1007/SXD-QHKT&PTDT ngày 28/08/2018 của Sở xây dựng tỉnh Trà Vinh về việc góp ý Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1728/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thị xã Duyên Hải về việc phê duyệt Nhiệm vụ đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Trường Long Hòa, Thị xã Duyên Hải;

Xét tờ trình số 167/TTr-KTHT, ngày 12/09/2018 của Phòng quản lý đô thị Thị xã Duyên Hải về việc xin phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

Ranh giới khu vực lập quy hoạch là ranh địa giới hành chính xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh được điều chỉnh sau khi thành lập thị xã Duyên Hải và 02 phường, có diện tích tự nhiên khoảng **3.792,72 ha** với tứ cận của khu đất như sau:

- Phía Đông : Giáp biển Đông;
- Phía Tây và Tây Bắc : Giáp xã Long Hữu, Phường 1, Phường 2;
- Phía Nam : Giáp xã Dân Thành;
- Phía Bắc : Giáp xã Hiệp Thạnh qua sông Láng Chim;

2. Mục tiêu, tính chất, chức năng của đồ án:

2.1. Mục tiêu:

Cụ thể hóa các định hướng từ đồ án quy hoạch chung xây dựng Thị xã Duyên Hải;

Làm cơ sở pháp lý cho việc lập đề án, dự án đầu tư;

Định hướng sản xuất, hình thức tổ chức sản xuất, hệ thống công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất cho toàn xã.

2.2. Tính chất, chức năng, kinh tế chủ đạo:

Là khu quy hoạch mới kết hợp với chính trang khu dân cư hiện hữu và định hình các điểm dân mới .

Đối với các điểm dân cư nông thôn: chức năng chính là khu dân cư với hệ thống hạ tầng đồng bộ.

Trung tâm xã Trường Long Hòa có vị trí đặc biệt là nằm gần biển. Dự kiến phát triển khu vực trở thành đô thị trung tâm thương mại du lịch, dịch vụ.

Xây dựng thêm một số các công trình công cộng phục vụ cho người dân địa phương.

Phát huy các cảnh quan thiên nhiên sẵn có của vùng sông nước, phát triển các khu dân cư miệt vườn, khu du lịch sinh thái biển đóng góp vào ngành du lịch của tỉnh Trà Vinh.

3. Quy mô và cơ cấu dân số, lao động của xã:

Quy mô dân số nông thôn hiện hữu là 7.679 người (năm 2017) – Nguồn: Chi cục thống kê thị xã Duyên Hải.

Dân số dự kiến đến năm 2020 khoảng 8.000 người;

Dân số dự kiến đến năm 2030 khoảng 10.000 người;

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án đảm bảo các quy định trong các QCXDVN hiện hành, cụ thể:

4.1. Các chỉ tiêu quy hoạch – kiến trúc:

- + Đất ở : $\geq 100 m^2/\text{người};$
- + Đất công trình công cộng : $\geq 5 m^2/\text{người};$
- + Đất cây xanh : $\geq 2 m^2/\text{người};$
- + Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật : $\geq 5 m^2/\text{người}.$

4.2. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

STT	Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
1	Chỉ tiêu cấp điện:	kWh/hộ/năm.	1000÷1600
2	Chỉ tiêu cấp nước:	lít/người.ngày đêm	80
3	Chỉ tiêu thoát nước:	% lưu lượng nước cấp	80
4	Rác thải	kg/người.ngày đêm	0,8

5. Cơ cấu phân khu chức năng, tổ chức không gian tổng thể xã:

5.1. Cơ cấu phân khu chức năng

- Là địa bàn xã thuần nông ít bị ảnh hưởng bởi quá trình đô thị hóa, thuận lợi cho việc phát triển các loại hình công nghiệp khai thác dịch vụ du lịch sinh thái, khu dân cư hiện hữu kết hợp tiểu thủ công nghiệp.

- Định hướng quy hoạch tổng thể toàn xã Trường Long Hòa gồm: 1 điểm trung tâm, 8 điểm dân cư tập trung theo tuyến giao thông và dân cư phân bố rải rác.

- Cơ cấu các điểm dân cư nông thôn như sau:

KH	ĐIỂM DÂN CƯ	VỊ TRÍ (ẤP)	DIỆN TÍCH (HA)	DÂN SỐ (NGƯỜI)	ĐẤT Ở (HA)
ĐTT	ĐIỂM TRUNG TÂM	BA ĐỘNG	21,17	710	13,00
Đ1	ĐIỂM DC SỐ 1	BA ĐỘNG	49,01	1.100	16,87
Đ2	ĐIỂM DC SỐ 2	NHÀ MÁT	87,25	2.000	30,68
Đ3	ĐIỂM DC SỐ 3	NHÀ MÁT	49,78	1.100	17,00
Đ4	ĐIỂM DC SỐ 4	KHOÁN TIỀU	59,20	1.300	20,00

Đ5	ĐIỂM DC SỐ 5	CÒN TRÚNG	79,30	1.800	15,60
Đ6	ĐIỂM DC SỐ 6	CÒN TÀU	33,89	780	12,00
Đ7	ĐIỂM DC SỐ 7	CÒN TRÚNG	20,54	480	15,20
Đ8	ĐIỂM DC SỐ 8	BA ĐỘNG	16,33	380	7,07
	DÂN RẢI RÁC		15,20	350	6,00
TỔNG			431,67	10.000	153,42

- Tổ chức không gian chức năng các điểm dân cư như sau:

+ **Điểm dân cư trung tâm nằm trung tâm xã** với quy mô 21,17 ha và dân số khoảng 710 người là khu dân cư tập trung nằm trên tỉnh lộ 913 và đường D6 (theo quy hoạch chung đô thị Duyên Hải), kết hợp với khu trung tâm công cộng dịch vụ xã (các trường trường tiểu học, trường mầm non, trạm y tế, khu trung tâm hành chính xã, khu dịch vụ, khu nhà văn hóa, thư viện, khu cây xanh sử dụng công cộng).

- Các khu dân cư nông thôn khác bao gồm:

+ **Điểm dân cư số 1:** thuộc ấp Ba Động, bố trí dọc theo các tuyến đường huyện D6 (theo quy hoạch chung đô thị Duyên Hải) và sông Ba Động, có vị trí giáp với khu trung tâm xã. Quy mô khoảng 49,01 ha, quy mô dân số khoảng 1.100 người.

+ **Điểm dân cư số 2:** thuộc ấp Nhà Mát, bố trí dọc đường tỉnh lộ 913, có vị trí gần biển. Quy mô khoảng 87,25 ha, quy mô dân số khoảng 2.000 người.

+ **Điểm dân cư số 3:** thuộc ấp Nhà Mát, bố trí dọc theo đường tỉnh lộ 913, có vị trí gần biển. Quy mô khoảng 49,78 ha, quy mô dân số khoảng 1.100 người.

+ **Điểm dân cư số 4 (trung tâm thị trấn Ba Động):** thuộc ấp Khoán Tiều, bố trí dọc theo tuyến đường Tỉnh lộ 913 và đường D7 (theo quy hoạch chung đô thị Duyên Hải), có vị trí gần biển. Quy mô khoảng 59,20 ha, quy mô dân số khoảng 1.300 người

+ **Điểm dân cư số 5:** thuộc ấp Cồn Trúng, bố trí dọc theo tuyến đường Tỉnh lộ 913 dự kiến. Quy mô khoảng 79,30 ha, quy mô dân số khoảng 1.800 người.

+ **Điểm dân cư số 6:** thuộc ấp Cồn Tàu, bố trí dọc đường D6 (theo quy hoạch chung đô thị Duyên Hải). Quy mô khoảng 33,89 ha, quy mô dân số khoảng 780 người.

+ **Điểm dân cư số 7:** thuộc ấp Cồn Trúng, bố trí dọc đường tỉnh lộ 913 đến khu du lịch Ba Động. Quy mô khoảng 20,54 ha, quy mô dân số khoảng 480 người.

+ **Điểm dân cư số 8:** thuộc ấp Ba Động, bố trí dọc đường tỉnh lộ 913 hướng đi trung tâm thị xã Duyên Hải. Quy mô khoảng 16,33 ha, quy mô dân số khoảng 380 người.

Ngoài các điểm dân cư chính trên, còn có các cụm dân cư dọc các tuyến giao thông nội đồng, kênh rạch và sông phân tán theo ruộng vườn với dân số khoảng 350 người, quy mô khoảng 15,20 ha.

5.2 Định hướng tổ chức không gian toàn xã:

a. Tổ chức không gian tổng thể:

Tổng thể không gian xã Trường Long Hòa được tổ chức có hệ thống, giúp đáp ứng được nhu cầu tối ưu hóa các diện tích sử dụng thông qua việc bố trí hợp lý không gian trung tâm, không gian các khu dân cư và không gian sản xuất.

+ Đối với không gian trung tâm phải đáp ứng tốt nhất nhu cầu quản lý và ổn định khu vực, là nơi tập trung các công trình công cộng, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động sản xuất của người dân.

+ Đối với không gian các khu dân cư cần tạo được sự hài hòa giữa khu dân cư hiện hữu và khu dân cư phát triển xây dựng mới.

+ Đối với không gian sản xuất, việc quy hoạch sẽ phân chia các chức năng của loại đất để có kế hoạch canh tác, trồng trọt hợp lý, cho năng suất cao nhất.

b. Tổ chức không gian các khu chức năng công cộng, dịch vụ:

Khu trung tâm hành chính xã đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, tại vị trí trung tâm xã hiện hữu, khu vực nằm ấp Ba Động.

Trạm y tế nằm trên Tỉnh lộ 913, nâng cấp từ trạm y tế hiện hữu.

Xây dựng nhà văn hóa - trung tâm văn hóa xã, quy mô khoảng 0,53 ha.

Phòng truyền thống, trưng bày, thư viện (kết hợp với trung tâm văn hóa): khoảng 400 m² thuộc điểm dân cư trung tâm xã;

c. Tổ chức không gian trung tâm:

Trung tâm hành chính của xã được bố trí ngay tại vị trí trụ sở hành chính xã hiện hữu kết hợp là bổ sung các chức năng còn thiếu nhằm hoàn thiện khả năng phục vụ cho toàn xã.

Trung tâm của các điểm dân cư, tại đó sẽ bố trí các chức năng như: trường học, nhà trẻ, ủy ban nhân dân ấp, sân tập luyện thể thao... Các chức năng được bố trí tập trung để tạo cảnh quan, xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận và bán kính phục vụ nhu cầu thiết yếu.

d. Tổ chức không gian các khu dân cư:

Khu dân cư hiện hữu phân bố theo các tuyến đường Tỉnh lộ.

Các khu dân cư xây dựng mới được bố trí xen cài với khu dân cư hiện hữu. Hình thức không gian nhà ở dạng nhà vườn, diện tích mỗi hộ khoảng 400 m² – 800 m² được bố trí các chức năng phù hợp (kết hợp đất ở và sản xuất nông nghiệp).

e. Tổ chức không gian sản xuất:

Không gian sản xuất của xã được bố trí trên tổng thể khu quy hoạch. Theo đó, phần đất nông nghiệp được tổ chức chủ yếu theo dạng tập trung với đa phần là đất nuôi trồng thủy sản, rừng phòng hộ và cây hàng năm, phần còn lại chủ yếu là đất trồng cây ăn quả, cây lâu năm phù hợp với định hướng quy hoạch sản xuất của xã.

Khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp với các mô hình sản xuất, trồng trọt phù hợp với địa hình, thổ nhưỡng. Phát triển các loại hình tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp và nhu cầu đời sống xã hội

5.3. Vị trí quy mô các công trình công cộng dịch vụ xã:

5.3.1 Công trình giáo dục:

Bố trí thêm trường trung học phổ thông tại trung tâm thị trấn Ba Động trong tương lai với quy mô 1,00 ha.

Cải tạo chỉnh trang các trường trung học cơ sở, trường tiểu học, trường mẫu giáo đảm bảo đủ chỉ tiêu phục vụ cho dân cư của xã đến năm 2030.

5.3.2 Công trình y tế:

Trạm y tế hiện hữu nằm ở vị trí ấp Ba Động, quy mô có sự thay đổi do nâng cấp mở rộng tuyến đường Tỉnh lộ 913 và quy hoạch khu trung tâm xã, với diện tích khoảng 0,43 ha gồm trạm y tế và vườn thuốc (đảm bảo theo quy chuẩn ≥ 1.000 m²), ngoài ra còn 1 phần diện tích đất y tế bố trí trong các điểm dân cư nông thôn.

5.3.3 Công trình trụ sở hành chính - văn hóa:

Khu trung tâm hành chính xã (trụ sở làm việc HĐND, UBND, ...) tại vị trí ấp Ba Động với tổng diện tích khoảng 0,53 ha.

Nhà văn hóa xã xây dựng mới tại vị trí ấp Ba Động, bên cạnh trường tiểu học với quy mô 0,53 ha.

Sân thể thao nằm vị trí ấp Khoán Tiêu, nằm trên Tỉnh lộ 913 với quy mô 1,55 ha đáp ứng được nhu cầu phục vụ.

5.3.4 Các công trình công cộng khác

Chợ Trường Long Hòa hiện hữu tại vị trí ấp Ba Động. Cải tạo nâng cấp & mở rộng, có bãi xe, có nơi thu, chứa chất thải rắn trong ngày với quy mô 1,16 ha.

Bưu điện hiện hữu được mở rộng chỉnh trang tại vị trí ấp Ba Động với quy mô 0,02 ha.

6. Quy hoạch sử dụng đất:

Với tổng diện tích tự nhiên có 3.792,72 ha cơ cấu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn xã Trường Long Hòa như sau:

Đất nông nghiệp: 2.787,57 ha chiếm 75% diện tích tự nhiên;

Đất phi nông nghiệp: 1.005,15 ha chiếm 25% diện tích tự nhiên, bao gồm:

+ Đất xây dựng: 810,23 ha chiếm 20% diện tích tự nhiên;

+ Đất khác: 194,92 ha chiếm 5% diện tích tự nhiên;

Theo đó, tổng hợp QHSDD thống kê theo bảng sau:

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (HA)		Tăng(+) Giảm (-)
		NĂM 2017	NĂM 2030	
1	Đất nông nghiệp	3.271,79	2.787,57	-484,22
1.1	Đất trồng lúa	31,90	25,98	-5,92
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	373,39	259,39	-114,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm	103,43	94,44	-8,99
1.4	Đất rừng phòng hộ	1.588,98	1.401,10	
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	1.162,56	997,13	
1.6	Đất làm muối	1,05	1,05	
1.4	Đất nông nghiệp khác	10,48	8,48	-2,00
2	Đất xây dựng	326,01	810,23	484,22
2.1	Đất ở nông thôn	28,40	153,42	125,02
2.2	Đất công cộng	37,59	47,49	9,90
	- Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1,74	2,50	
	- Đất xây dựng cơ sở y tế	0,29	0,43	
	- Đất xây dựng cơ sở giáo dục	5,42	6,42	
	- Đất xây dựng cơ sở văn hóa	1,06	1,06	
	- Đất sinh hoạt cộng đồng	0,29	0,29	
	- Đất chợ	0,79	1,16	
	- Đất thương mại dịch vụ	26,02	33,65	
	- Bưu điện, viễn thông	1,98	1,98	
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	2,45	3,90	1,45
	- Đất cây xanh	0,00	0,45	
	- Sân thể dục thể thao xã	2,45	2,45	
	- Sân thể thao ấp	0,00	1,00	
2.4	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	7,79	7,79	
	- Đất tôn giáo	6,96	6,96	
	- Đất tín ngưỡng	0,83	0,83	

2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	90,22	90,22	0,00
	- Đất sản xuất phi nông nghiệp	2,71	2,71	
	- Đất sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ	0,00	0,00	
	- Đất cụm công nghiệp	87,51	87,51	
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	0,00	0,00	0,00
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	0,00	234,74	234,74
	- Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,00	0,00	
	- Đất xây dựng cơ sở y tế	0,00	0,00	
	- Đất xây dựng cơ sở giáo dục	0,00	0,00	
	- Đất văn hóa - TDTT	0,00	0,00	
	- Đất dịch vụ biển	0,00	165,34	
	- Đất công cộng dự trữ	0,00	10,00	
	- Đất phức hợp (DV-TM kết hợp ở)	0,00	59,40	
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	69,32	182,43	113,11
	- Đất giao thông	64,00	172,11	
	- Đất xử lý chất thải rắn	0,00	2,00	
	- Đất nghĩa trang, nghĩa địa	5,32	7,32	
	- Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,00	1,00	
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất (thủy lợi)	70,44	70,44	0,00
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	19,80	19,80	0,00
	- Đất an ninh	0,00	0,00	
	- Đất quốc phòng	19,80	19,80	
3	Đất khác	194,92	194,92	0,00
3.1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	194,92	194,92	
3.2	Đất chưa sử dụng	0,00	0,00	
TỔNG		3.792,72	3.792,72	0,00

7. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Giao thông:

a. Giao thông đối ngoại:

Tỉnh lộ 913 là trục đường giao thông đối ngoại chính của khu quy hoạch, đây là trục đường rất quan trọng trong công tác xây dựng dự án, mặt đường cấp cao A1, loại mặt đường BTN nóng. Đoạn hướng đông – tây có lộ giới 36m, đoạn hướng bắc - nam có lộ giới 28m.

Tuyến Đông Tây KKT kết nối xã Trường Long Hòa với khu vực phía tây thị xã Duyên Hải, đặc biệt là lõi trung tâm thị xã.

b. Giao thông đối nội:

Mạng lưới đường khu vực làm nhiệm vụ liên kết các khu chức năng với nhau đồng thời làm nhiệm vụ kết nối khu dân cư, công cộng – dịch vụ ra các hệ thống giao thông đối ngoại, tổ chức thành một mạng lưới giao thông đan xen nhau, lộ giới từ 12-30m.

Các tuyến giao thông nông thôn, phục vụ dân sinh, có xe cơ giới qua lại có lộ giới tối thiểu 4m.

7.2. Cao độ nền - thoát nước mặt:

▪ Công tác thủy lợi

Công tác thủy lợi đi đôi với việc thoát nước mặt cho các khu dân cư. Đối với những khu vực là đất sản xuất nông nghiệp và thủy hải sản thì thoát nước mặt là công tác nạo vét các bờ kênh, mương để tạo điều kiện cho thủy triều lên xuống đều đặn.

Các bờ kênh, mương tự nhiên sẽ giữ lại làm công tác thủy lợi, thoát nước và cấp nước cho đồng ruộng hay ao hồ nuôi trồng thủy sản. Lượng nước được lưu chuyển sẽ là điều kiện tốt để phát triển nông và ngư nghiệp của địa phương.

Bên cạnh đó, việc tăng cường và nghiên cứu đắp đê chắn sóng, ngăn lũ hay đào thêm kênh thoát nước sẽ góp phần làm cho hệ thống thủy lợi và thoát nước mặt trở nên thuận lợi hơn.

▪ Quy hoạch chiều cao (san nền):

Chọn giải pháp tôn cao nền đất hiện hữu do tính đơn giản, khả thi và kinh tế nhất hiện nay.

Đối với khu vực như trung tâm xã Trường Long Hòa chỉ san lấp cục bộ, cao độ san lấp tối thiểu là 2,3m.

Khu vực thị trấn Ba Động, khu du lịch Ba Động, và các điểm dân cư lân cận, cao độ san lấp tối thiểu là 2,5m.

Các khu vực rừng phòng hộ, nuôi trồng thủy sản giữ nguyên địa hình tự nhiên hoặc san lấp theo nhu cầu sản xuất.

▪ Quy hoạch thoát nước mưa:

Khu vực trung tâm xã và thị trấn Ba Động thiết kế mạng lưới thoát nước riêng giữa nước mưa và nước bẩn.

Khu vực điểm dân cư nông thôn, quy hoạch hệ thống thoát nước chung.

Nguồn tiếp nhận nước mưa chính là sông rạch rải rác trong khu vực thiết kế.

7.3. Hệ thống cấp nước:

** Chỉ tiêu cấp nước:*

Khu vực nông thôn: 80 (lít/người.ngđ).

Tiêu chuẩn cấp nước công trình công cộng, thương mại dịch vụ lấy trung bình 15% tổng lưu lượng nước cấp sinh hoạt.

Thất thoát rò rỉ lấy bằng 15% tổng lưu lượng nước cấp.

Hệ số dùng nước ngày lớn nhất lấy bằng 1,2.

** Định hướng hệ thống cấp nước:*

Nguồn cấp nước: Tiếp tục sử dụng và nâng cấp các giếng bơm nước hiện hữu, bên cạnh đó xây dựng mới một số trạm bơm cấp nước cho các điểm dân cư mới để đảm bảo nhu cầu dùng nước.

Thiết kế cấp nước phải bảo đảm tiêu chuẩn về cung cấp nước và phải cung cấp nước sạch đã qua xử lý.

Sử dụng mạng lưới kết hợp giữa mạng vòng và mạng cụt đảm bảo sự an toàn và tính liên tục. Từ đường ống cấp nước chính D100-150, tổ chức các tuyến cấp nước nội bộ cung cấp cho các công trình.

** Hệ thống cấp nước chữa cháy :*

Lưu lượng cấp nước chữa cháy $q = 10$ l/s cho 1 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời 1 lúc là 1 đám cháy TCVN 2622 - 1995. Ngoài ra khi có sự cố cháy cần bổ sung thêm nguồn nước mặt của các rạch gần nhất.

Trụ cứu hoả bằng gang có bán kính phục vụ tối đa là 150m. Lưu lượng nước chữa cháy không tính vào công suất trạm xử lý nước cấp mà chỉ dự trữ trong bể (nước thô) và bơm cấp bổ sung vào mạng khi có cháy nhằm giảm chi phí xử lý nước.

7.4. Phát triển hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

** Chỉ tiêu thoát nước:*

- Chỉ tiêu thoát nước thải sinh hoạt: 100% lượng nước cấp sinh hoạt.
- Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 0,8kg/người.ngày.đêm.

** Định hướng hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:*

Thoát nước thải: Nước thải trước khi thoát ra mạng lưới thoát nước chung phải được xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn, đạt tiêu chuẩn cho phép thoát ra môi trường. Tại khu vực trung tâm xã, khuyến khích xây dựng bể xử lý nước thải cục bộ tùy theo năng lực tài chính của địa phương. Bể xử lý nước thải thu gom lượng nước đáy tại giếng tách dòng cuối tuyến cống chung.

Nổi cống theo nguyên tắc ngang đỉnh, độ sâu chôn cống tối thiểu 0,5m tính từ đỉnh cống.

Rác thải sẽ được thu gom hằng ngày, tập trung tại trạm trung chuyển chất thải rắn của xã, chất thải sau khi được phân loại tại điểm trung chuyển sẽ được đưa về khu liên hợp xử lý chất thải tại xã Long Hữu.

7.5. Hệ thống cấp điện:

*** Chỉ tiêu cấp điện:**

- Khu dân cư trung tâm: 1600 kWh/hộ/năm.
- Khu dân cư nông thôn: 1000 kWh/hộ/năm.
- Công trình công cộng...: 20% sinh hoạt.
- Điện sản xuất: 20% sinh hoạt.
- Chiếu sáng giao thông : 10kW/ha.

*** Định hướng cấp điện:**

Nguồn điện: Hiện khu vực sử dụng nguồn điện quốc gia trạm biến áp 110/22kV 2x40MVA Duyên Trà thông qua tuyến trung thế 22kV hiện hữu dọc đường Tỉnh lộ 913.

Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các trạm biến áp phân phối 22/0,4kV và 12,7/0,4kV kiểu trạm phòng, trạm đơn thân, compact, trạm giàn, trạm treo cấp điện 0,4kV cho khu quy hoạch.

Lưới điện trung thế 22kV: cải tạo, xây dựng mới các tuyến đường dây 22kV sử dụng dây nhôm lõi thép tiết diện 50÷240mm² đấu nối các trạm biến áp phân phối vào tuyến trung thế dọc các đường chính trong khu quy hoạch theo quy hoạch vùng huyện.

Lưới điện hạ thế 0,4kV: Cải tạo, xây dựng hệ thống lưới điện hạ theo dạng lưới kín vận hành hở sử dụng dây nhôm lõi thép AV 50÷150mm² hoặc cáp ABC 50÷150mm² lâu dài sẽ được ngầm hoá đảm bảo mỹ quan đô thị.

7.6. Hệ thống thông tin liên lạc:

*** Dự báo nhu cầu:**

- Điện thoại cố định dự kiến cho nhà ở: 01-02 máy / 01hộ.
- Công trình công cộng... : 30% sinh hoạt.
- Dự phòng: 5%

*** Nguồn cấp:**

Cải tạo, nâng cấp bưu điện Trường Long Hoà, xây dựng mới các trạm điện thoại 200 số cung cấp dịch vụ thông tin cho khu quy hoạch.

Cải tạo, xây dựng mới các tuyến thông tin liên lạc chính dọc các đường quy hoạch dung lượng mỗi tuyến khoảng 20-500 đôi hoặc cáp quang đầu nối các trạm điện thoại trên vào bưu điện xã Trường Long Hoà đáp ứng nhu cầu dịch vụ cho người dân.

8. Đánh giá môi trường chiến lược:

** Hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường:*

Bảo vệ chất lượng nước mặt trên địa bàn khu quy hoạch và khu vực xung quanh.

Bảo vệ môi trường không khí, cụ thể: Hàm lượng các chất độc hại trong không khí ở khu hành chính - công cộng đạt QCVN 05: 2013/BTNMT.

Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn, cụ thể: Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn là 100% và vận chuyển về khu liên hợp xử lý chất thải rắn tại xã Long Hữu.

Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt phát sinh, cụ thể: Tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải là 100%. Nước thải sau khi thu gom được dẫn về bể xử lý nước thải cục bộ.

Đảm bảo diện tích đất cây xanh và đáp ứng tiện nghi môi trường.

Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch là 100% ở những nơi có điều kiện.

** Các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị:*

Các giải pháp quy hoạch xây dựng nhằm giảm thiểu và khắc phục các tác động và diễn biến môi trường đã được nhận diện: Quy hoạch hợp lý các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hoạch định cao độ nền thích hợp phòng chống ngập lụt, thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát ô nhiễm, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai hay ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát các tác động môi trường: Giảm thiểu ô nhiễm không khí, ô nhiễm từ chất thải rắn, kiểm soát ô nhiễm nước thải. Xây dựng kế hoạch quản lý và giám sát chất lượng môi trường, cụ thể 2 lần trong năm.

9. Danh mục các dự án ưu tiên theo phân kỳ kế hoạch:

Danh mục được đầu tư được thực hiện theo đề án nông thôn mới.

10. Quy định quản lý theo quy hoạch:

Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm trình quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch, làm cơ sở cho việc công khai và quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn xã trong kỳ quy hoạch.

11. Tiến độ giải pháp tổ chức thực hiện đề án quy hoạch xây dựng:

- Ủy ban nhân dân xã Trường Long Hòa tập trung phát huy nội lực của cộng đồng địa phương để xây dựng mô hình nông thôn mới, theo phương châm nhà nước hỗ trợ một phần để phát huy sự đóng góp của cộng đồng, phát huy tinh thần tự quản nhằm duy trì chất lượng lâu dài và ổn định cho các công trình được đầu tư theo quy hoạch.

- Quy hoạch tạo hành lang pháp lý và định hướng cho việc đầu tư thực hiện các mô hình sản xuất, mô hình dân cư. Tuy nhiên, việc đầu tư phải do chính người dân tự đề xuất và thiết kế trên cơ sở bàn bạc dân chủ, công khai và quyết định thông qua cộng đồng.

Điều 2: Trên cơ sở nội dung Đồ án quy hoạch được duyệt, Ủy ban nhân dân xã Trường Long Hòa phối hợp với các phòng, ban ngành liên quan công bố rộng rãi để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã biết, kiểm tra và thực hiện.

Điều 3: Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã; Trưởng phòng: Quản lý đô thị, Tài nguyên - Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trường Long Hòa và thủ trưởng các ngành có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- TT.TXÚ-HĐND thị xã (b/c);
- Như Điều 3;
- Khối NC;
- Lưu.

CHỦ TỊCH



Châu Văn Hòa